

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS- ST
Ngày 07/4/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Nhắc
Ông Võ Hoàng Hiếu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày nam tham gia Phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 42A/QĐST-DS ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Lương Thanh T, sinh 1978; *Trú tại:* Ấp 1, xã Phú N, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Người đại diện: Chị Trần Thị Thanh Th, sinh 1986; Trú tại ấp 1, xã Phú N, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt)

* ***Bị đơn:*** Ngô Vũ L, sinh 1995; trú tại: Ấp Mỹ Đ, xã H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà Trần Thị Thanh Th trình bày:

+ Vào ngày 28/12/2019 ông T có cho ông L vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 1.66%/ tháng, thời hạn vay 06 tháng, từ tháng 6/2020 đến nay không đóng lãi cũng không trả vốn.

+ Ngày 30/12/2019 ông T có cho ông L vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 1.66%/ tháng, thời hạn vay 03 tháng, từ tháng 6/2020 đến nay không đóng lãi cũng không trả vốn.

Nay yêu cầu ông L trả cho ông T số tiền 50.000.000 đồng, và yêu cầu tính lãi từ tháng 6/2020 đến tháng 4/2022, mức lãi suất 1.66%/tháng.

Ông L vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nhưng việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả vốn gốc 50 triệu đồng, về lãi suất đề nghị chấp nhận mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ tháng 6/2020 đến tháng 4/2022. Đối với mức lãi suất còn lại đề nghị bác yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Ông T cho rằng quyền lợi của ông bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa ông với ông L, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của ông T là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chứng cứ nguyên đơn khởi kiện là hợp đồng vay tài sản được các bên ông T, ông L ký kết xác lập vào ngày 30/12/2019, số tiền vay 25.000.000 đồng, lãi

suất thỏa thuận 1.66%/tháng, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng và hợp đồng này được công chứng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Quá trình giải quyết phía bị đơn không có ý kiến gì về việc đã thanh lý xong hợp đồng nêu trên, nên buộc bị đơn trả là phù hợp.

Đối với giấy xác nhận mượn tiền mà ông L lập vào ngày 28/12/2019, thừa nhận vay ông T số tiền 25.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng và hợp đồng này không được công chứng, chứng thực tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên tại bản kết luận giám định số 03 ngày 12/01/2022 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận “chữ ký và chữ viết họ và tên L” trong tờ giấy xác nhận mượn tiền nêu trên so với chữ ký và chữ viết họ và tên Ngô Vũ L của hợp đồng được xác lập ngày 30/12/2019 là do một người ký ra. Nên có căn cứ xác định giấy xác nhận mượn tiền ngày 28/12/2019 là có thật. Quá trình giải quyết phía bị đơn không có ý kiến gì về việc đã trả xong số tiền nêu trên, nên buộc bị đơn trả là phù hợp.

[2] Đối với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 28/12/2019, thời hạn vay là 6 tháng, các bên không thỏa thuận lãi suất. Đối với hợp đồng vay tài sản ngày 30/12/2019, thời hạn vay là 03 tháng, các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 1.66%/tháng tương ứng với thời gian vay (nghĩa là lãi suất trong hạn), các bên hoàn toàn không có thỏa thuận lãi suất chậm trả. Tại thời điểm nguyên đơn yêu cầu tính lãi là đã hết hạn trả vốn lãi theo hợp đồng. Do đó theo quy định pháp luật nguyên đơn chỉ được quyền yêu cầu bị đơn trả lãi quá hạn với mức lãi suất 10%/năm tương ứng 0.83%/tháng theo quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự đối với thời gian chậm trả của bị đơn, nên chỉ chấp nhận mức lãi suất 0.83%/tháng, đối với thời gian tính lãi nguyên đơn yêu cầu là phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền phải trả. Nguyên đơn chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[4] Chi phí giám định 1.800.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và nguyên đơn đã tạm ứng nộp xong, nên buộc bị đơn ông L phải hoàn lại số tiền trên cho ông T là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Thanh T. Buộc ông Ngô Vũ L trả cho ông Lương Thanh T số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi

suất 9.130.000 đồng, tổng cộng 59.130.000 (năm mươi chín triệu một trăm ba mươi ngàn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi suất còn lại 9.130.000 đồng.

Buộc bị đơn ông Ngô Vũ L phải hoàn lại số tiền chi phí giám định 1.800.000 đồng cho ông Lương Thanh T.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông T, nếu ông L chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L phải chịu 2.956.000 đồng. Ông T chịu 456.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.499.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007130 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam. Hoàn trả cho ông T 1.043.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

